

Phật giáo ba miền trong kháng chiến chống Pháp

ISSN: 2734-9195 14:25 25/10/2025

Khi Pháp xâm lược, chùa chiền lại đồng hành tham gia kháng chiến cùng thời đại, chùa là nơi cất giấu bộ đội, trữ lương thực, dạy chữ, tuyên truyền yêu nước bên cạnh các hiện tượng hình thức tụng kinh, niệm Phật, bái sám để mục đích hướng đến thiện pháp tốt đời đẹp đạo...

Tác giả: **Thượng tọa Ts Thích Thanh Huân**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Mở đầu

Phật giáo đồng hành thời kháng chiến chống Pháp có được cũng từ ảnh hưởng văn hóa Phật giáo ngay từ khi Phật giáo du nhập tại Việt Nam đã thể hiện tính tiếp biến, dung hợp, hòa mình vào với mọi quần chúng; và nhất là những tư tưởng Phật giáo, nhân sinh quan vốn gần gũi với tâm hồn người Việt để được chấp nhận và không ngừng phát triển, ở lại trong lòng người dân đến hôm nay; đó là tinh thần từ bi, vô ngã, bao dung, vị tha, thương người như thể thương thân, trách nhiệm, khiêm nhường kham nhẫn, tôn trọng người khác, mong muốn cuộc sống yên bình của văn minh lúa nước nên ưa sự hài hòa, không muốn mâu thuẫn đối kháng.

Đối với hầu hết người dân Việt Nam thời hiện đại yêu chuộng hòa bình, mong muốn đất nước thịnh vượng hiện tại và mai sau, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và Quốc khánh 02/9 là mốc lịch sử vô cùng quan trọng của đất nước; đối với người con Phật, giải phóng dân tộc, thống nhất một mối, cũng là hướng đến mong muốn có được sức mạnh tổng hợp của trí tuệ, đức tâm, phước huệ song tu để sống ý nghĩa và phụng hiến; các giá trị thiện lành mong muốn có được là kết tinh của sự chung tay một lòng cộng nghiệp, tự nguyện nương tựa vào nhau vì hiểu sâu sắc trùng trùng duyên khởi và luật nhân quả; thấy được sự quý báu của thân người, nhận thức được sự vô thường của sắc thân giả tạm mà sử dụng

thân tâm an lạc giải thoát, tạo thiện nghiệp cho mình và những người xung quanh.

Nội dung

1. Tinh thần “Phật giáo đồng hành cùng dân tộc” trong kháng chiến chống Pháp bắt nguồn từ truyền thống Phật giáo Việt Nam

Truyền thống Phật giáo Bi-Trí-Dũng, bất hại du nhập ở Việt Nam đã có từ ngay những thế kỉ đầu công nguyên, với hai đường bộ và thủy để Phật giáo hiện diện, đường thủy từ Ấn Độ trực tiếp và đường bộ bằng ngoại xâm nhà Hán; tuy nhiên, bên cạnh việc bành trướng xâm lược, Trung Hoa cũng mang lại sự ảnh hưởng của nhiều minh triết Khổng Lão, và cả đạo Phật, tạo nên Tam giáo đồng nguyên, ở một góc độ nào đó có sự hài hòa đạo đời; tinh thần Tam giáo này còn ảnh hưởng khá lớn đến các quốc gia Đông Nam Á.

Có lẽ cũng bởi các triết lý Phật giáo tương đồng với văn hóa người Việt, nên một cảm giác tâm lý, nhắc đến Phật giáo quần chúng như mặc định đạo Phật là của dân tộc Việt. Từ năm 43 sau Tây lịch, dù nhà Hán tìm mọi cách cai trị biến nước ta thành một phần của họ, thời kỳ 1.000 năm Bắc thuộc nhưng mọi đồng hóa Hán Nho đều không đánh bại được các giá trị văn hóa riêng của người Việt cổ, nhưng Phật giáo luôn tôn trọng đồng hành và giữ gìn bản sắc dân tộc riêng với tính linh động, trí tuệ, bất hại, tiến bộ lâu dài. Điều này chứng minh tinh thần nhân quả của Phật giáo.



Hình minh họa tạo bởi AI

Ngay từ khi nhà nước độc lập hình thành, vua Lý Nam Đế (544 - 548) đã quán sát nắm đúng tình hình sử dụng Phật giáo làm nhân tố đặc lực hộ trì cho quốc gia, vì thấy nền triết học và Pháp hành của Phật giáo có thể mang lại lợi ích lâu dài, tiến bộ, vì vậy đã rất quan tâm đến việc dựng chùa, mở mang trú xứ để thu hút quần chúng, tập hợp sức mạnh, thu phục nhân tâm, do đó chùa Khai Quốc đã xuất hiện tại Kinh đô. Qua thời Đinh - Tiền Lê, Lý, Trần, Phật giáo tiếp tục được sử dụng trong vai trò “an dân hộ quốc”, “đồng hành cùng dân tộc”, và ngày càng tỏ rõ vị thế của mình trong lòng dân tộc, tạo nên bản sắc văn hóa Phật giáo riêng của Việt Nam, gắn bó song hành với quốc gia, làm lợi ích cho quần chúng trên tinh thần hướng thiện. Do Phật giáo được ưu ái nên các Sư được coi trọng, trong vấn đề Tam giáo đồng nguyên, Phật giáo luôn giữ vai trò chủ chốt làm hệ tư tưởng chính; được coi trọng nên các vị cao Tăng đặc Pháp thời nào cũng cố vấn triều đình, để lãnh đạo đưa ra các quyết định đúng đắn trên tất cả các phương diện văn hóa, chính trị, quân sự, ngoại giao. Nhiều thiền sư trong các thời đại phong kiến được phong làm quốc sư, như Thiền sư Ngô Chân Lưu được vua Đinh Tiên Hoàng rất nể trọng, phong “Khuông Việt Đại sư”; ngài Vạn Hạnh, Đa Bảo, Sùng Phạm...cũng được vua quan triều đình hết sức tôn kính trọng vì, các ý kiến quý Ngài đưa lên mang tính sắc mĩ, trí tuệ, từ bi, thiết thực nên luôn được lãnh đạo sáng suốt cân nhắc thực thi. Các thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, và các tín ngưỡng bản địa từ thời Lý sang thời Trần được hợp nhất thành Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử mang bản sắc riêng của người Việt, khẳng định sự nhất quán, độc lập, tự chủ của dân tộc, mở ra thời đại mới, hướng đến xây dựng đất nước hùng cường về mọi mặt; hầu hết các thiền phái này đều gắn liền với Thiền tông, kinh điển Đại thừa, mang triết lý Tính Không Vô Ngã, linh động, quyện hòa các pháp tu Thiền - Tịnh - Mật. “Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi chấm dứt ở cuối thời Lý đầu thời Trần” (1). Vua Lý Thái Tông tri nhận ca ngợi thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi: “Mở lối sang nước Nam/ Nghe ông giỏi tập Thiền/ Mở bày niềm tin Phật/ Xa hợp một nguồn tim/ Trắng Lãng già vàng vạc/ Sen Bát nhã ngát thơm” (2). Mật tông thời Lý vẫn mang đậm đặc trưng tinh thần Bát Nhã Tính Không, Duy Thức học - bộ luận Đại thừa, quan điểm “nhất thiết duy tâm tạo”, “tam giới duy tâm vạn pháp duy thức”. Thời Đinh và Tiền Lê, Mật tông đã xuất hiện, thời Trần, Phật giáo được coi như quốc giáo. Các vua Trần đều hết lòng kính Phật, nghiên cứu kinh điển, hoàng Pháp, thực thi đời sống đạo; Hội nghị Diên Hồng đã cho thấy sức mạnh ý chí kiên định yêu nước quyết tâm bảo vệ nền độc lập của quân dân Đại Việt; tinh thần ấy còn lan tỏa đến tận hậu thế; niềm tự hào đánh tan quân Nguyên Mông hùng cường của quân dân nhà Trần, dấu son lịch sử lan tỏa khắp thế giới, để kháng chiến chống Pháp - Mỹ, một lần nữa khẳng định sức mạnh đoàn kết và khao sát độc lập tử chủ của người dân Việt.

2. Khảo sát các hình thức ủng hộ kháng chiến của tăng ni, cư sĩ, Phật tử Việt Nam khắp ba miền trong kháng chiến chống Pháp

Sở dĩ thực dân Pháp âm mưu xâm lược Việt Nam vì nhận thấy cơ hội chính quyền phong kiến Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX suy yếu gặp nhiều bất ổn, mâu thuẫn với nông dân, không được lòng các giai tầng quần chúng, nên các phong trào đấu tranh nổ ra, hầu hết đều bị chính quyền phong kiến đàn áp đẫm máu, vì vậy chính quyền tùy thuận nhà Thanh, ban hành luật Gia Long không được lòng dân, đóng cửa không buôn bán qua lại với các quốc gia khác... Do đó gây bất ổn cả trong và ngoài nước, thương nhân ế ẩm phá sản, nên nông vì vậy sản xuất ra cũng không có chỗ tiêu thụ, đời sống các giai cấp nghèo ngày càng khốn khổ; trong khi các cải cách của nhà Tây Sơn không được phê duyệt; cộng thêm thiên tai, dịch bệnh... nhưng triều đình Nguyễn vẫn không chăm lo và giải quyết được đông đảo người dân cần hỗ trợ, vì vậy mâu thuẫn ngày càng đỉnh điểm, từ thời Gia Long đến đầu thời kỳ Pháp can thiệp lịch sử đã thống kê có gần 500 cuộc khởi nghĩa. Pháp xâm lược Việt Nam vì bản chất lòng tham lợi nhuận và tài sản của tư bản, muốn biến Việt Nam thành thị trường và trở thành thuộc địa Pháp vì Việt Nam tài nguyên, khoáng sản, vị trí địa lý ngã ba của Đông Dương, lao động dồi dào mà rẻ mạt... tất cả đều là đối tượng tốt mà chủ nghĩa tư bản Pháp âm mưu muốn xâm chiếm.



(Ảnh: Internet)

Năm 1858, Pháp – Tây Ban Nha chính thức nổ súng xâm lược Việt Nam tại Đà Nẵng; gần 30 năm sau đó, lần lượt Nam Kỳ, Bắc Kỳ, Huế (1883) đều mất vào tay Pháp, triều đình phong kiến nhà Nguyễn khó vượt qua được quân đội phương Tây với kĩ thuật tối tân ngày đó và bộ máy quản lý đang suy thoái; vì vậy, các hiệp ước vào các năm 1862, 1874, 1883, 1884 đã thừa nhận quyền kiểm soát của Pháp đối với tất cả khắp ba miền Việt Nam; nhưng ý chí chống giặc của nhân dân thì chưa bao giờ lụi tàn, ở thời điểm nào cũng có các cuộc khởi nghĩa âm ỉ chờ bùng phát, lịch sử ghi lại khởi nghĩa đánh kính của Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân... cho thấy lòng yêu nước, khát khao hòa bình, ý chí chống ngặc ngoại xâm, nói không với chính tranh phi nghĩa của nhân dân ta.

Lãnh tụ Hồ Chí Minh đưa ra các chính sách đường lối luôn được đông đảo quần chúng yêu nước ủng hộ, Việt Minh rất tinh nhuệ sắc bén với các khẩu hiệu đưa ra để tập hợp sức dân: “đất nước độc lập”, “người cày có ruộng”, “tự do tín ngưỡng”; vì vậy hội “Tăng gia cứu quốc”, “Đoàn Phật giáo cứu quốc”, “Bộ đội Tăng gia”, “Hội Phật giáo cứu quốc” cũng chính là hệ quả của các cuộc vận động đó, nhằm hỗ trợ công cuộc giải phóng đất nước, hưởng ứng lời kêu gọi yêu nước của Hồ Chủ Tịch.

Trong chiến chống Pháp, các chùa ủng hộ kháng chiến khắp ba miền, nhất là khu vực miền Bắc dày đặc, như: chùa Quảng Bá, Linh Quang, Ngọc Hồi, Tự Khánh, Thanh Trì, Sùng Giáo... ở Hà Nội; chùa Trại Sơn, Trúc Động, Vũ Lao... ở Hải Phòng; chùa Ninh Cường, Cổ Lễ, Vọng Cung... ở Nam Định; chùa Hoa Sơn, Bích Động... ở Ninh Bình. Các chùa đều sẵn sàng biến thiên đường thành nơi ủng hộ lương thực, thuốc men, in ấn tài liệu tuyên truyền cách mạng, nuôi giấu cán bộ cách mạng, làm nơi cho du kích luyện tập, nơi hội họp các tin đầu mối cho cách mạng... Khi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khích lệ tinh thần “Tiêu thổ kháng chiến”, Phật giáo sẵn sàng bỏ nhà in Đuốc Tuệ, các tổ chức hội đoàn, phá hủy các hình thức để sẵn sàng thực hiện đạo Phật dẫn thân; nhiều quý Ngài “cởi áo cà sa khoác áo chiến bào” vì sự bạo ngược quá mức của Pháp coi thường mạng sống dân lành, như: ngài Thích Tâm Thi (1889 - 1959), Thích Thanh Lộc (...), Thích Thanh Chân (1905 - 1989), Thích Thế Long (1909 - 1985); Thích Đôn Hậu (1904 - 1992); Thích Thiện Hòa (1911 - 1997); Thích Tâm Thông (1916 - 1999); Thích Thuận Đức (1918 - 2000)... Sử sách vẫn lưu lại sự kiện tại Cổ Lễ, Trực Ninh, Nam Định (cũ) ngày 27/02/1950; 15 chư Tăng huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng)... Chiến tranh bao đầu thương và mất mát, Phật giáo không tránh khỏi, nhiều chùa cất giấu vũ khí, nuôi giấu cán bộ kháng chiến bị phát hiện, nhiều quý Sư bị bắt, bị tra tấn bị giết nhưng vẫn một lòng bảo vệ thiện pháp không làm cho người khác bị ảnh hưởng, coi cái chết và sự khổ đau như một hình thức tự nguyện và chấp nhận của duyên nghiệp không hề hận thù.

Miền Bắc, quý Ngài như: Phạm Thế Long, Thích Tâm An, Thích Thanh Chân... tích cực ủng hộ miền Nam giải phóng thống nhất đất nước, với nhiều hình thức như gửi thư khích lệ, tiết kiệm tiền để nuôi quân, cầu siêu bộ đội tử nạn, hiến máu nhân đạo... Trong đó, “Hà Nội có chùa Quảng Bá, chùa Linh Quang, chùa Ngọc Hồi, chùa Tự Khánh, chùa Thanh Trì, chùa Sùng Giáo, chùa Diên Phúc; Hải Phòng có chùa Trại Sơn, chùa Trúc Động, chùa Vũ Lao; Nam Định có chùa Ninh Cường, chùa Cổ Lễ, chùa Vọng Cung; Ninh Bình có chùa Hoa Sơn (là nơi đặt sở chỉ huy hai chiến dịch Quang Trung và Tây Nam Ninh Bình, nơi làm việc của Tỉnh ủy Ninh Bình), Chùa Bích Động (là nơi đặt công binh xưởng chế tạo vũ khí đánh giặc)” (3); các chùa này hiện đã được ghi vào lịch sử, Đảng và Nhà Nước dân chúng tri ân, có uy tín và tiếng nói trong giáo hội về những gì thế hệ trước đã đóng góp, và hiện đều thuận duyên làm đạo.

Đáng chú ý, tại Nam Định (Ninh Bình hiện nay), gần 30 chư Tăng Ni đã “cởi áo cà sa” tại chùa Cổ Lễ, Trực Ninh, ngày 27/02/1947; 15 chư Tăng ở Thủy Nguyên, Hải Phòng cũng hưởng ứng tinh thần này, ra trận trọng việc nước trong bối cảnh cần tập hợp sức người cho mục tiêu độc lập tự do dân tộc. Cũng thời gian này, Ninh Bình tại huyện Gia Khánh (Hoa Lư), khoảng 60 Sư cũng phát tâm đồng hành cùng Việt Minh kháng chiến, làm tiếp tế, tuần tra, khám chữa bệnh ... Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phát động “Tiêu thổ kháng chiến”, “Hội Phật giáo đã cho phá nhà in Đuốc Tuệ và nhiều cơ sở vật chất khác của Phật giáo để ủng hộ kháng chiến chống thực dân Pháp” (4); phước hữu vi cũng không quan trọng bằng tâm hướng đạo vô ngã vị tha.

Tại miền Nam, năm 1947, Hội Phật giáo cứu quốc do HT Thích Minh Nguyệt lãnh đạo đã tuyên bố: “Phật giáo Việt Nam chỉ bền vững và có ý nghĩa khi đã biết gắn mình vào với dân tộc Việt Nam” (5); do đó tập hợp được rất nhiều sức mạnh đoàn kết hướng tâm của Tăng Ni Cư sĩ Phật tử đồng hành cùng kháng chiến. Tại miền Trung, nhất là Huế, phong trào đấu tranh bất bạo động và mong muốn hòa bình tự do diễn ra cũng sôi nổi, nhiều Hòa thượng như Ngài HT Thích Trí Thủ, Thích Mật Thể... tham gia Mặt trận Việt Minh. Hội Phật giáo cứu quốc tích cực triển khai nhiều hoạt động đồng hành cùng dân tộc như “Thích Tâm Hoàn, Thích Kế Châu, Thích Huyền Quang,... đã cộng tác với một số đoàn viên Đoàn Phật học Đức dục (tiền thân của Gia đình Phật tử) và đã có nhiều hoạt động trong các tổ chức Phật giáo trên địa bàn” (6); nhiều chùa trở thành trường để xóa mù chữ cho dân, Tăng Ni cư sĩ nhiệt tâm tăng gia sản xuất, gửi thực phẩm cho bộ đội. Cả ba miền trong kháng chiến chống Pháp với nhiều hoạt động tích cực của Tăng Ni Phật tử yêu chuộng hòa bình đã tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng. Phật giáo Việt Nam “âm thầm giữ gìn đạo mạch trong cơn binh lửa và ủng hộ Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh” (7).

3. Tương đồng quan điểm giữa Phật giáo và Đất nước về tinh thần yêu chuộng hòa bình

Với những ý nghĩ và việc làm bất thiện, các quan điểm tham sân si đối trá hãm hại mưu mẹo luân tiềm ẩn, đồng nghĩa ác Pháp, âm mưu thực dân Pháp muốn chiếm Việt Nam và toàn bộ Đông Dương, chính trị độc tôn luôn gắn liền với phòng thủ, nghi ngờ, luận điệu; mục đích đó nên các phương pháp sử dụng để chiếm đoạt thuộc địa luôn gắn liền lợi dụng tôn giáo, Phật giáo Việt Nam vì vậy cũng nằm trong âm mưu đó. Tuy nhiên, đường lối lãnh đạo Việt Nam xuất sắc, có được cũng do ảnh hưởng hồn dân tộc người Việt, căn tánh văn hóa người Việt, do đó, nắm được âm mưu thôn tín Việt Nam của Pháp, Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng về thành lập Hội Phản đế đồng minh năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ghi: “để dần dần cách mạng hóa quần chúng, mà lại bảo đảm tự do tín ngưỡng của quần chúng, đập tan luận điệu phản tuyên truyền: cộng sản là vô chính phủ, vô gia đình, vô tôn giáo” (8). Việc quan tâm tự do tôn giáo của Đảng để tranh thủ sức dân, nắm được tâm lý của các tín đồ có đạo, tận dụng sự ủng hộ của dân chúng để đoàn kết một lòng giành độc lập, đặt yếu tố vận nước lên trên hết; với người đăc đạo thì “chiến trường cũng là thiền đường”- nói theo quan điểm thiền nhập thế của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần.

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đưa lại nền độc lập, tự do, gắn bó với chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh nạn đói, trình độ của nhân dân còn nhiều hạn chế, âm mưu ngoại bang chưa bao giờ từ bỏ vì vậy các tôn giáo luôn bị Pháp sử dụng âm mưu để chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, vì tôn giáo luân nhạc cảm, với người đăc pháp thì không còn mâu thuẫn nhưng các hành giả sơ cơ chưa thông pháp học pháp hành tường tận vẫn dễ bị cảm xúc bản ngã tùy miên vô minh che lấp mà dễ bị cuốn theo âm mưu chia rẽ khối đoàn kết toàn dân và chống đối chính quyền. Phát biểu trong phiên họp lần thứ nhất của Chính phủ Cách mạng lâm thời năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: “Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết” (9). Do đó, một loạt các chính sách khác tiếp theo sau đó đều liên quan tôn giáo, khẳng định quan điểm tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, như: Sắc lệnh số 35/SL, ngày 20/9/1945; Sắc lệnh số 22/SL, ngày 18/12/1946; Điều thứ 10, Hiến pháp đầu tiên năm 1946: “Công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng” (10), để đến ngày 03/3/1951, Đảng Lao động Việt Nam tuyên bố: “Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người” (11). Giai đoạn 1949 - 1954, cũng tiếp tục đường lối tích cực này; để mục đích cuối cùng là tập hợp sức dân, bảo vệ nòi giống, trách nhiệm với cộng đồng, hướng đến hòa bình, hạnh phúc, tự do, tiến bộ, tự chủ.



(Ảnh: Internet)

Có thể thấy, quan điểm và tư tưởng của Đảng và Nhà Nước Việt Nam từ khi thành lập đến nay luôn mong muốn đất nước phát triển, hòa bình, tiến bộ, bền vững, làm bạn với tất cả quốc tế cùng phát triển; không mong muốn chiến tranh, và làm sao dân chúng được nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, thể lực, sống hạnh phúc và sánh ngang với các cường quốc trên thế giới; bất kì thể chế quốc gia nào trong vòng tục đế cũng mong muốn bảo vệ nền độc lập hòa bình chăm lo cho quốc độ mình, ngoài những cá nhân tổ chức tiêu cực phát xít ưa bành trướng và bạo động bởi lòng tham quá lớn thì hầu hết các lãnh đạo có tâm và có sự hiểu biết đều mong muốn đưa ra các chính sách an vui lợi lợi số đông, phục vụ đời sống con người, không làm nô lệ cho chiến tranh và chạy đua vũ trang, hây mâu thuẫn hận thù và khó bảo toàn tính mạng. Vì vậy, khảo sát các văn kiện và đường lối của Đảng, Chính Phủ, Nhà nước, ngay từ đầu đã đề cao tôn giáo vì tính nhạy cảm, và nhất quán chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo; do đó Giáo Hội Phật giáo Việt Nam đã được thống nhất thành lập từ năm 1981 cho đến nay, phương châm “đồng hành cùng dân tộc”, Đạo pháp - Dân tộc - CNXH; từ đó, thời kì nào, để thuận duyên nhập thế và hoằng Pháp, Tăng Ni cũng có người ra đại diện cử tri, phát biểu các giá trị minh triết Phật giáo tại Quốc hội để lãnh đạo xem xét đưa ra các quyết định chính xác thiết thực nhất, nhằm củng cố, xây dựng, phát triển đất nước; đông đảo Tăng Ni khắp các tỉnh thành đều có lãnh đạo chức sắc tham gia vào Hội đồng Nhân dân các cấp, tiếp nhận các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước sao cho phù hợp nhất với giới Phật tử và quần chúng. Tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cũng như đông đảo các các tổ chức đoàn thể, xã hội...

Xét một cách toàn diện, hiện nay, bên cạnh sự thống nhất về một mối trong tinh thần lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, vẫn có một bộ phận rất nhỏ Tăng Ni Cư sĩ coi mình là con Phật, là hành giả nhưng vẫn giữ tâm chống trái, không chịu học hỏi, không chịu mở lòng, chấp dính quá khứ, không hiểu chiêm nghiệm sâu sắc lý nhân quả cộng nghiệp trong mỗi thời đại của bản chất vô thường duyên nghiệp mà luôn đổ thừa, xa lánh chính quyền, Giáo hội và thường phát biểu nội bộ tiêu cực, cũng như có những hoạt động truyền Pháp ý tứ chống đối chính quyền Giáo hội, gây hoang mang dư luận dân chúng và những người sơ cơ thiếu hiểu biết, bộ phận này chủ yếu nằm ở nước ngoài, hoặc ở trong nước nhưng hướng ngoại, gây chia rẽ đoàn kết dân tộc qua những luận điệu tôn giáo phụng sự Phật Pháp, lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng tuyên truyền bằng nhiều hình thức tiêu cực khác nhau, cũng vì vậy một số lớp trẻ Tăng Ni Cư sĩ nhẹ dạ cả tin chưa đầy đủ Pháp học và Pháp hành bị cuốn trôi theo những luận điệu lúp dưới những quan điểm “bảo vệ chánh Pháp”, “bảo vệ giáo lý Nguyên thủy” nhưng hành động và thực tiễn lại không mang lại các kết quả thiết thực an vui mình lợi lạc số đông, không có pháp Hành “như xây nhà có thứ lớp kiên cố” vì vậy bản ngã càng lớn sở chấp càng nhiều, làm người trí xa lánh, khiến Phật giáo trong và ngoài nước bị ảnh hưởng, “cũng như trùng sư tử”, như Đức Phật đã chỉ dạy trên 2600 năm:

“Người ngu nghĩ mình ngu,

Nhờ vậy thành có trí.

Người ngu tưởng có trí,

Thật xứng gọi chí ngu”

(Kinh Pháp Cú - Bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu)

Vì vậy, một số tăng ni, phật tử cư sĩ vô tình làm mất tín tâm đại chúng, vô tình gây mất trật tự xã hội, làm ngoại đạo và những cá nhân có ý đồ lợi dụng tôn giáo phản động, bị các thế lực thù địch gây chia rẽ cộng đồng, rối loạn xã hội, gây khó khăn cho sự phát triển đất nước. Kháng chiến chống Pháp và hiện nay, tinh thần Phật giáo Việt Nam vẫn giữ nguyên tinh thần “đồng hành cùng dân tộc”, yêu chuộng hòa bình, bất hại.

4. Nhận xét

Để thực thi mục đích, mọi kế hoạch được triển khai, mọi biện pháp phương tiện được Pháp vận dụng nhằm che mắt nhân dân Pháp trong nước và nhân dân Quốc tế, vì vậy hoạt động truyền giáo để làm chính trị, chuẩn bị cho các cuộc

xâm lược đã được Pháp lên kế hoạch. Ngày 1/9/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã xả súng vào cửa biển Đà Nẵng, chiến tranh chính thức bắt đầu.

Kháng chiến chống Pháp (1945-1954) thành công của quân dân Việt Nam thể hiện ý nghĩa là cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc chấm dứt tái chiếm sau thế chiến thứ II, thời gian suốt 9 năm (19/12/1946 - chiến thắng Điện Biên Phủ). Sau chiến thắng lừng lẫy Điện Biên Phủ năm 1954, Pháp buộc phải ký Hiệp định Genève, từ đây Việt Nam chính thức được công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Trong suốt thời gian trường kì kháng chiến này, rất nhiều các mốc lịch sử và sự kiện đáng chú ý và lưu lại sử sách như: Kháng chiến toàn quốc (1946-1954); các chiến dịch Việt Bắc (1947), Biên giới (1950), Hòa Bình (1951-1952), Điện Biên Phủ (1954); đến Hiệp định Genève (1954) Việt Nam, Lào và Campuchia đều ngập tràn hạnh phúc trong độc lập đất nước. Phật giáo Việt Nam trong suốt thời gian này Tăng Ni Cư sĩ Phật tử luôn đồng hành cùng cuộc kháng chiến với nhiều hình thức khác nhau.

Phật Pháp là bất định Pháp, Đức Phật dạy trong *kinh Nhất dạ hiền giả* “*Quá khứ không truy tìm. Tương lai không ước vọng. Quá khứ đã đoạn tận, Tương lai lại chưa đến. Chỉ có pháp hiện tại*”; người con Phật luôn luôn mong muốn hòa bình, không sát sinh và ý thức được “*Với hận diệt hận thù. Đời này không có được. Không hận diệt hận thù. Là định luật ngàn thu*” (Kinh Pháp cú, kệ 3-4-5); đồng nghĩa không mong muốn chiến tranh, tránh mâu thuẫn đối kháng, thực hành tinh tấn chánh niệm xả kỳ từ bi vô ngã an vui mình lợi lạc số đông, vì hiểu sâu sắc luật nhân quả và lo sợ vòng luân hồi bất tận. Vì vậy, chiến tranh là điều hoàn toàn không một chư Tăng Ni Cư sĩ Phật tử chân chính nào chủ trương, nhưng “*Phật giáo tại thế gian bất ly thế gian giác*”, đạo không lìa đời, Phật giáo đồng hành cùng dân tộc vì đó là sứ mệnh và trách nhiệm của hành giả đối với quốc độ đó, tất cả là tình thương hóa độ, vì mục tiêu đích đến và ước vọng hoàn toàn chân chính.

Trong kháng chiến chống Pháp, đông đảo Tăng Ni, Phật tử khắp cả nước đã góp phần làm nên thành công của Cách mạng Tháng Tám để nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) được hiện diện như ngày hôm nay, thống nhất non sông tư tưởng tinh thần về một mối như thời Lý-Trần; nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong lịch sử cũng là tiền đề làm nên thành công của hai cuộc kháng chiến mà đại thắng mùa xuân năm 1975 đã chứng minh, để lại nhiều bài học quý báu dù mất mát hi sinh to lớn, rác và hoa, không bùn không sen. Quan điểm chính trị luôn phải đối kháng, phòng địch, góp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; Phật giáo đồng hành cùng dân tộc trong thời đại mới cũng chính là gắn bó nhiệm vụ Đạo pháp - Dân tộc - CNXH để hóa độ chúng sanh mang dòng máu Lạc Hồng. Phật giáo đi đến bất kì

quốc gia vùng miền nào cũng tùy tính linh động, hài hòa, bất hại, chung tay chuyển hóa một cách tốt đẹp cho những người xung quanh.

Kết luận

Khi Pháp xâm lược, chùa chiền lại đồng hành tham gia kháng chiến cùng thời đại, chùa là nơi cất giấu bộ đội, trữ lương thực, dạy chữ, tuyên truyền yêu nước bên cạnh các hiện tượng hình thức tụng kinh, niệm Phật, bái sám để mục đích hướng đến thiện pháp tốt đời đẹp đạo, có ở trong hoàn cảnh đó mới thấu hiểu thời thế cần; đồng thời tiết kiệm tịnh tài, hùn phước hỗ trợ cho tiền tuyến, chùa cũng nhường cơm sẻ áo để lan tỏa tính chất ứng dụng của tinh thần Bồ-tát hạnh cứu khổ chúng sinh đi vào đời, vì vậy lương thực, thuốc men đều giành cho chiến sĩ bộ đội tuyến đầu; đặc biệt nhiều tăng ni còn hưởng ứng phong trào “cởi áo cà sa khoác áo chiến bào”, chiếm được tình cảm lớn với lãnh đạo và sự thương tưởng của quần chúng.

Tăng ni, cư sĩ Phật giáo có mặt tái sinh trong mỗi quốc độ đều hiểu “tùy nơi ở mà an lạc”, phải có trách nhiệm với đời và những người xung quanh, “người không biết tri ân và đền ân, không biết tầm quý thật khó tiến đạo nói chi nhập vào dòng Thánh khi sự kính tín – xuất phát điểm đã không có”; hầu hết 54.000 Tăng Ni Việt Nam và 18.000 ngôi chùa trên cả nước đều “đồng hành Phật giáo cùng dân tộc”, tôn kính bản sắc riêng của các Hệ phái Phật giáo Quốc tế, không chống trái, và dốc sức tình nguyện làm việc thiện theo tinh thần Bồ-tát hạnh, để tạo dựng mối đại đoàn kết toàn dân, bên cạnh việc thanh lọc chuyên tu của mỗi cá nhân. Đó là các phương tiện linh động đi vào đời, khiến Phật giáo chính thống được lan tỏa; cũng là trách nhiệm, nhân duyên Phật, sứ mệnh Phật bổ xứ, “Phật Pháp tại thế gian không lìa thế gian mà giác ngộ”, cũng là phù hợp với tinh thần Thể - Tướng - Dụng của Phật giáo Đại thừa.

Tác giả: **Thượng toạ Ts Thích Thanh Huân**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Lê Mạnh Thát (tái bản 2021), *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Nxb. Hồng Đức, tr. 243-278.

2) Lê Mạnh Thát (tái bản 2021), *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Nxb. Hồng Đức, tr. 242.

3) *Đóng góp của Phật giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)* - TS. Nguyễn Thị Như, Đại học Hà Nội, <https://nxbctqg.org.vn/dong-gop-cua-phat-giao-trong-khang-chien-chong-thuc-dan-phap-1945-1954-.html>

4) *Đóng góp của Phật giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)* - TS. Nguyễn Thị Như, Đại học Hà Nội, <https://nxbctqg.org.vn/dong-gop-cua-phat-giao-trong-khang-chien-chong-thuc-dan-phap-1945-1954-.html>

5) Hà Thúc Minh: “*Lịch sử tư tưởng Việt Nam và vấn đề Phật giáo*”, trong *Mấy vấn đề Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Triết học, Hà Nội, 1986, tr. 47.

6) *Đóng góp của Phật giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)* - TS. Nguyễn Thị Như, Đại học Hà Nội, <https://nxbctqg.org.vn/dong-gop-cua-phat-giao-trong-khang-chien-chong-thuc-dan-phap-1945-1954-.html>

7) Lê Tâm Đắc: *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012, tr. 280.

Tài liệu tham khảo:

1] Thích Minh Châu (dịch, 1993) *Kinh Tương Ưng Bộ Kinh*, tập I, Nxb VNCPHVN.

2] Kimura Taiken, Hòa thượng Thích Quảng Độ (dịch, 2007) *Nguyên thủy Phật giáo tư tưởng luận*, Nxb Tôn Giáo.

3] Kimura Taiken, Thích Quảng Độ (dịch, 2017), *Đại thừa Phật giáo Tư tưởng luận*, Thư viện Huệ Quang ảnh ấn hành.

4] Lê Tâm Đắc, *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

5] Trí Hải (dịch, 2000) *Đức Phật đã dạy những gì*, Nxb Tôn giáo.

6] Hà Thúc Minh (1986), “*Lịch sử tư tưởng Việt Nam và vấn đề Phật giáo*”, trong *Mấy vấn đề Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Triết học, Hà Nội.

7] Lê Mạnh Thát (tái bản 2021), *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Nxb. Hồng Đức.

8] Trần Nhân Tông (1989), *Cư trần lạc đạo phú*, trong sách *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, quyển thượng, Nxb KHXH, HN.

9] Thích Viên Trí (2011), *Khái niệm về Bồ-tát Quán Thế Âm lý thuyết và thực hành*, Nxb Tôn giáo.

10] Viện nghiên cứu lịch sử (1980), *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý - Trần*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

11] **Đóng góp của Phật giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)** - TS. Nguyễn Thị Như, **Đại học Hà Nội**, <https://nxbctqg.org.vn/dong-gop-cua-phat-giao-trong-khang-chien-chong-thuc-dan-phap-1945-1954-.html>